

Bản án số: 84/2019/HN-ST

Ngày: 06 - 9 - 2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Huỳnh Thị Thu Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 674/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Hà Kim K, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

***- Bị đơn:*** Ông Phan Ngọc T, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2019, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải ngày 23/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Hà Kim K trình bày:*

Bà K và ông Phan Ngọc Th đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyền số 01 ngày 26/8/1994, tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố V. Mậu thuận vợ chồng phát sinh từ năm 2010, do bà K phát hiện ông T không chung thủy, dẫn đến bất đồng trong cuộc sống, không hàn gắn được. Bà K yêu cầu ly hôn ông T. Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Hà Minh T, sinh ngày 28/11/1995, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Bà K có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân của bà K với ông T, do hai bên có công việc riêng, không thu xếp hòa giải với nhau, không hàn gắn tình cảm được.

*Đối với bị đơn Phan Ngọc T:* Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông T gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được do ông T vắng mặt không có lý do và bà K đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà K là người có quyền khởi kiện ông Phan Ngọc T tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố V. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà K xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2010, do bất đồng trong cuộc sống, nay không còn tình cảm, yêu cầu ly hôn ông T. Ông T đã được niêm yết, tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà K, ông T không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của bà K. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010 nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K về việc ly hôn ông T.

[3] Bà K, ông T có 01 con chung tên Phan Hà Minh T, sinh ngày 28/11/1995, đã trưởng thành, không đặt ra xem xét, giải quyết. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Án phí: Bà K nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Kim K.

Bà Hà Kim K và ông Phan Ngọc T ly hôn với nhau.

Con chung: Một con chung tên Phan Hà Minh T, sinh ngày 28/11/1995, đã trưởng thành, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Hà Kim K nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0004625 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên bà Hà Kim K không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- UBND phường H, TPVL: 1;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Vân**

